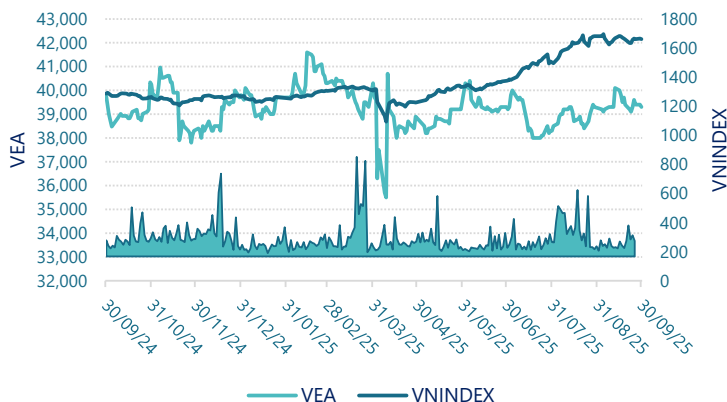




FireAnt

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (UPCOM: VEA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	39,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	35,500
SL cổ phiếu LH	1,328,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	626,205
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	52,222
P/E	6.8
EPS	5,763

DT thuần

Q3/25

1,090

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 49.0 | 4.7%

YoY: ▲ 41.0 | 3.9%

LN sau thuế

Q3/25

1,821

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 311 | -14.6%

YoY: ▲ 154 | 9.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

172%

+/- YoY: ▲ 9.2%

DT thuần

9T 2025

3,177

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 205 | 6.9%

LN sau thuế

9T 2025

5,231

tỷ VNĐ

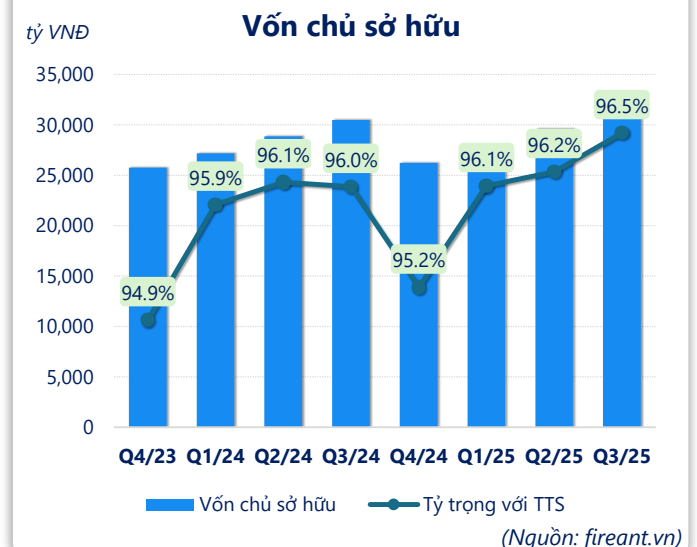
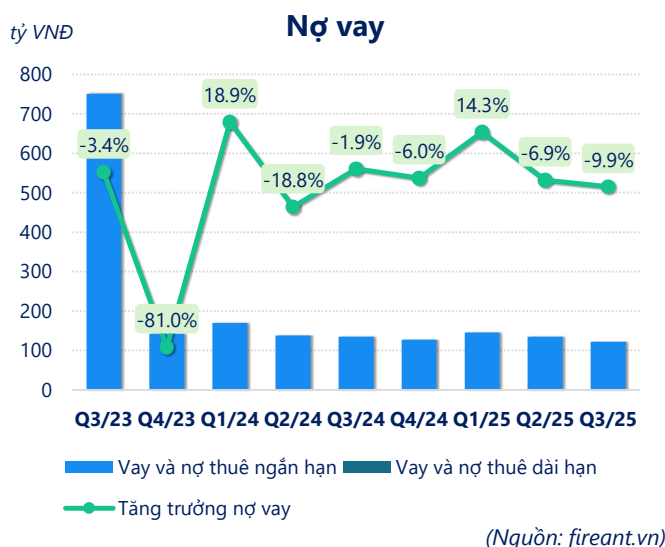
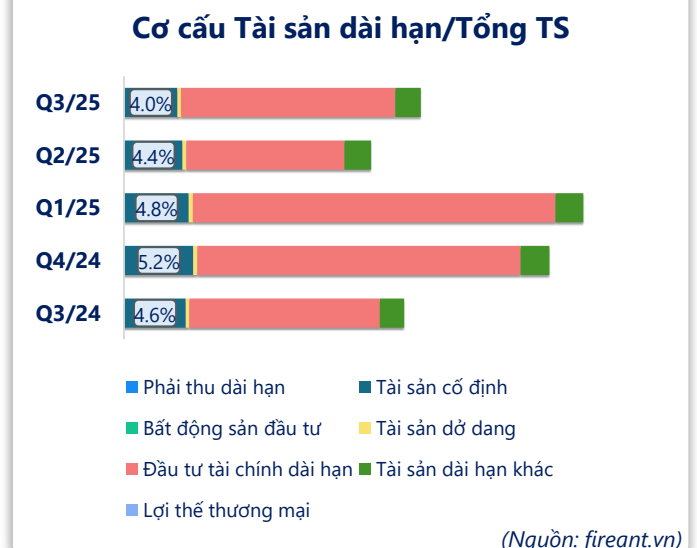
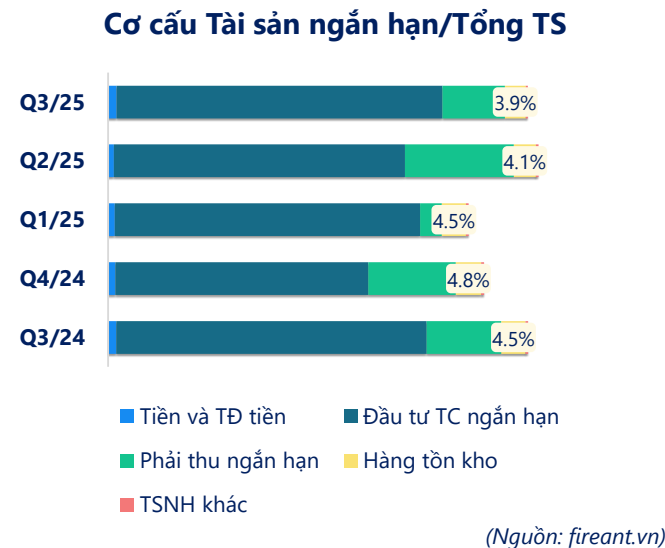
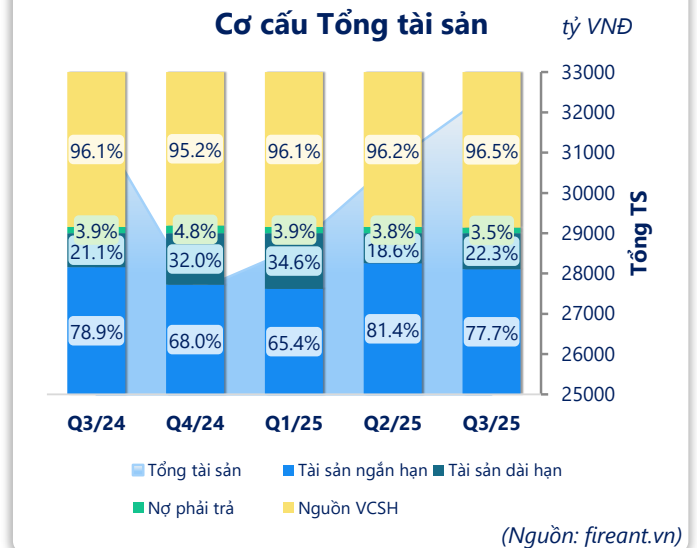
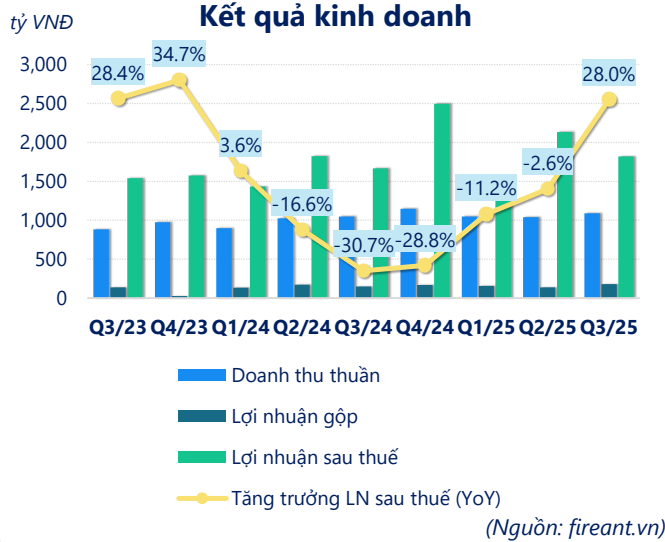
YoY: ▲ 307 | 6.2%

ROE

Q3/25

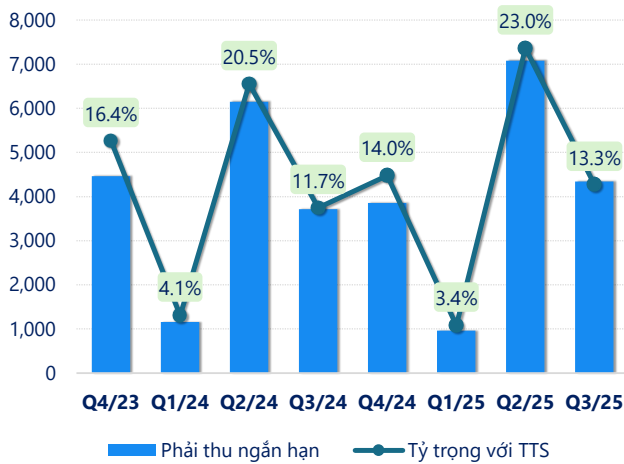
24.8%

+/- YoY: ▲ 3.4%



tỷ VNĐ

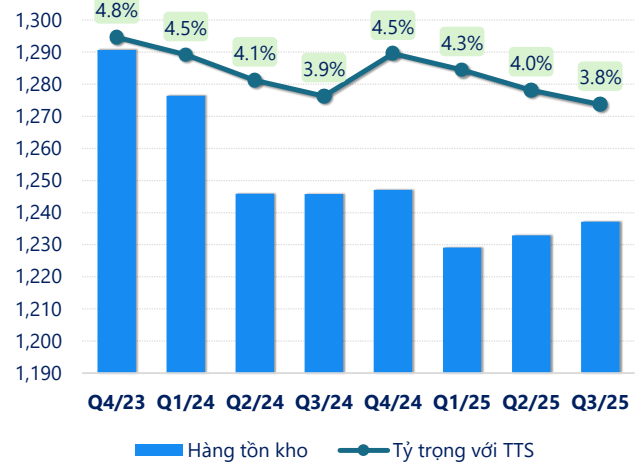
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

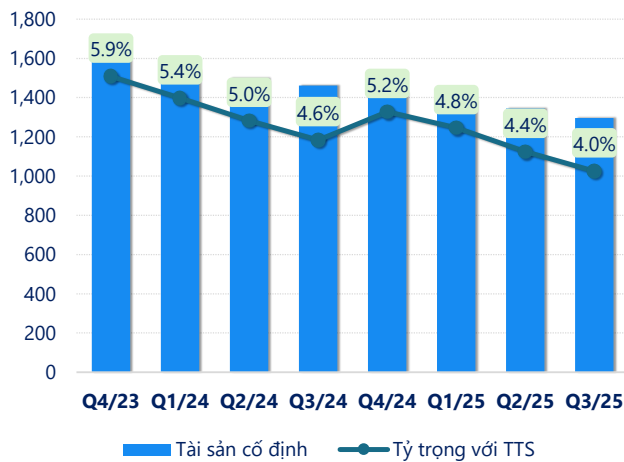
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

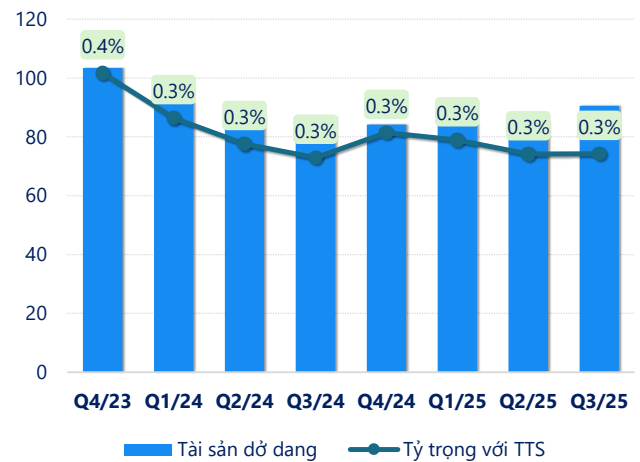
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

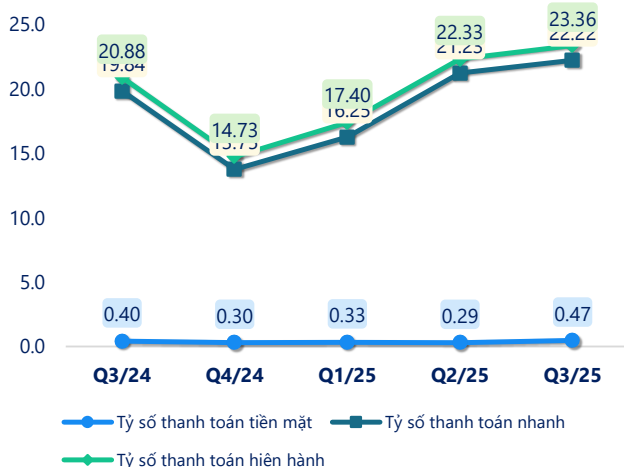
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



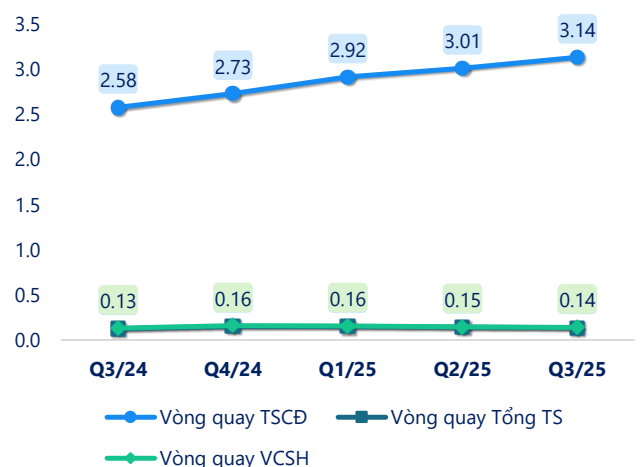
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	31,743	27,562	28,618	30,762	32,524
Tài sản ngắn hạn	25,053	18,740	18,728	25,040	25,262
Tiền và tương đương tiền	486	379	354	329	510
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19,471	13,130	16,041	16,261	19,038
Phải thu ngắn hạn	3,717	3,854	966	7,076	4,341
Hàng tồn kho	1,246	1,247	1,229	1,233	1,237
Tài sản ngắn hạn khác	134	130	138	140	137
Tài sản dài hạn	6,690	8,822	9,890	5,722	7,261
Phải thu dài hạn	11.6	11.4	10.8	11.5	11.3
Tài sản cố định	1,462	1,423	1,386	1,345	1,296
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	86.8	84.1	84.7	85.5	90.6
Đầu tư tài chính dài hạn	4,546	6,705	7,804	3,661	5,236
Tài sản dài hạn khác	583	599	605	619	627
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,253	1,324	1,127	1,175	1,134
Nợ ngắn hạn	1,200	1,272	1,077	1,122	1,081
Vay và nợ thuê ngắn hạn	135	127	145	135	122
Phải trả người bán ngắn hạn	330	355	290	295	256
Nợ dài hạn	52.5	51.3	50.7	53.8	53.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	30,490	26,238	27,491	29,586	31,389
Vốn chủ sở hữu	30,488	26,236	27,489	29,584	31,386
Vốn điều lệ	13,288	13,288	13,288	13,288	13,288
Kinh phí và quỹ khác	2.64	2.48	2.34	2.22	3.16

(Nguồn: fireant.vn)